



Working Paper 2024.2.2.12
- Vol. 2, No. 2

**CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (EGOV4SD):
NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA
TRÊN THẾ GIỚI VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM**

**Nguyễn Minh Phương¹, Trần Thị Quỳnh Chi, Lê Ngọc Hân, Lã Hương Ly,
Trần Thị Yến Nhi**

Sinh viên K60 Kinh tế quốc tế - Khoa Kinh tế quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thuý Quỳnh

Giảng viên Khoa Kinh tế quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Trong thời đại hiện nay, việc chuyển đổi số trong lĩnh vực Chính phủ đã mở ra nhiều cơ hội và đồng thời nhiều thách thức trong việc xây dựng một Chính phủ Điện tử (CPĐT) hiệu quả, hướng đến đạt được Phát triển bền vững (Sustainable Development). Do đó, nghiên cứu được thực hiện nhằm kiểm tra mối quan hệ giữa CPĐT và Phát triển bền vững (PTBV) để đưa ra được khái niệm của thuật ngữ CPĐT vì sự Phát triển bền vững (EGOV4SD) một cách rõ ràng nhất. Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp và đánh giá để so sánh các ảnh hưởng của CPĐT đến mục tiêu PTBV trong một số trường hợp điển hình, từ đó đề xuất các biện pháp cải tiến, chính sách hỗ trợ và khuyến nghị cho Việt Nam. Nghiên cứu đề xuất trong việc xây dựng chính sách xã hội bền vững, Chính phủ cần tập trung vào sáu khía cạnh chính: dịch vụ công và chuyển đổi chính phủ (chính phủ), dịch vụ hỗ trợ CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT của chính phủ (công nghệ), giao diện và kênh phân phối (tương tác), dịch vụ công cộng và nhu cầu (khách hàng), hệ sinh thái cung cấp dịch vụ và phát triển dân chủ (xã hội); trong đó, Chính phủ xem xét các biện pháp khuyến khích và hỗ trợ cho doanh nghiệp để thúc đẩy sự chuyển đổi số trong sản xuất và kinh doanh.

¹ Nhóm tác giả liên hệ: k60.2113450027@ftu.edu.vn

Từ khoá: Chính phủ điện tử, Phát triển bền vững, Chính phủ Điện tử vì sự Phát triển bền vững

E-GOVERNMENT FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT (EGOV4SD): CASE STUDIES OF SOME COUNTRIES IN THE WORLD AND POLICY IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Abstract

In the current era, digital transformation in the Government sector has opened up many opportunities and at the same time many challenges in building an effective Electronic Government (e-Government), aiming to achieve Sustainable Development. Therefore, the study was conducted to examine the relationship between e-Government and Sustainable Development (Development) to bring out the concept of the term e-Government for Sustainable Development (EGOV4SD) in the clearest way. The research uses analysis, synthesis and evaluation methods to compare the effects of e-government on sustainable development goals in a number of typical cases, thereby proposing improvement measures, support policies and Recommendations for Vietnam. The study suggests that in building sustainable social policy, the Government should focus on six main aspects: public services and government (government) transformation, IT support services and IT infrastructure of government (technology), interfaces and delivery channels (interactions), public services and needs (customers), service delivery ecosystems and democratic development (society); in which, the Government considers incentive and support measures for businesses to promote digital transformation in production and business.

Keywords: E-government, Sustainable development, EGOV4SD

1. Bối cảnh nghiên cứu

Hiện nay, chuyển đổi số đang tạo ra một cuộc cách mạng trong cách chúng ta sống, làm việc và tương tác với nhau. Đặc biệt, trong lĩnh vực Chính phủ, sự chuyển đổi số đã đem lại nhiều cơ hội và thách thức về việc xây dựng một Chính phủ Điện tử (CPĐT) hiệu quả, có mối liên hệ tích cực tới Phát triển Bền vững (PTBV). PTBV đang là mục tiêu quan trọng của nhiều quốc gia và tổ chức phi lợi nhuận trên thế giới.

Chuyển đổi số đang ảnh hưởng mạnh mẽ đến lĩnh vực Chính phủ và có tiềm năng lớn để đóng góp vào Mục tiêu PTBV. Tuy nhiên, việc kết hợp giữa Chính phủ số và Mục tiêu PTBV đòi hỏi sự hợp tác và xử lý các thách thức liên quan đến kỹ thuật, pháp lý và an ninh thông tin. Nghiên cứu trong lĩnh vực này là cần thiết để xác định và phát triển các giải pháp hiệu quả nhằm đảm bảo sự PTBV của các quốc gia và cộng đồng trong thời đại kỹ thuật số.

Nghiên cứu này tập trung vào mối quan hệ giữa CPĐT và PTBV, với mục tiêu đưa ra khái niệm rõ ràng nhất về thuật ngữ CPĐT vì sự PTBV (EGOV4SD). Nghiên cứu cũng phân tích và so sánh cách triển khai của CPĐT ở các quốc gia khác nhau để đề xuất các biện pháp cải tiến, chính sách hỗ trợ và khuyến nghị cho Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả và tiềm năng của CPĐT trong việc thúc đẩy PTBV.

Phạm vi nghiên cứu bao gồm các quốc gia trên toàn thế giới, tập trung chủ yếu vào những quốc gia đã áp dụng EGOV4SD. Để đạt được mục tiêu này, phương pháp nghiên cứu định tính được nhóm nghiên cứu sử dụng, với chiến lược nghiên cứu các trường hợp điển hình. Nghiên cứu phân tích các trường hợp thành công về triển khai CPĐT và đạt được thành tựu trong lĩnh vực PTBV, dựa trên ý kiến của các chuyên gia và thông tin đã được phân tích, tổng hợp và đưa ra kết luận. Bài viết này cũng lựa chọn một số quốc gia làm trường hợp nghiên cứu để so sánh và phân tích các thách thức và thành công của CPĐT trong các quốc gia khác nhau.

Nghiên cứu này có thể cung cấp thông tin và gợi ý cho Việt Nam trong việc phát triển CPĐT và thúc đẩy PTBV thông qua việc sử dụng công nghệ thông tin hiệu quả, cung cấp dịch vụ công hiệu quả, tăng cường quyền tham gia của người dân và phát triển các giải pháp công nghệ thông tin xanh.

2. Cơ sở lý thuyết và Tổng quan nghiên cứu

2.1. Chính phủ điện tử (E-government)

Theo Estevez và Janowski (2013), Chính phủ Điện tử (CPĐT) đã được định nghĩa trong rất nhiều nghiên cứu, nhưng không có định nghĩa nào được coi là tiêu chuẩn để sử dụng chung trên toàn thế giới. Ví dụ như, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (2003) có đề cập đến 4 bốn định nghĩa chính về CPĐT, bao gồm cung cấp dịch vụ qua internet, sử dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTTTT), chuyển đổi hành chính công, và sử dụng CNTTTT để tạo Chính phủ hiệu quả hơn. Tuy nhiên, việc sử dụng định nghĩa cụ thể phụ thuộc vào ưu tiên và mục tiêu cụ thể của từng quốc gia và khu vực.

Trong bài nghiên cứu này, CPĐT được định nghĩa là việc ứng dụng Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT - Information Communication Technology) trong chuyển đổi các hoạt động trong bộ máy Nhà nước và cung cấp dịch vụ công cho người dân, nhằm tạo ra tác động đến xã hội (Park & Kim, 2019); (Estevez & Janowski, 2013). Định nghĩa này xác định rõ năm khía cạnh của CPĐT, bao gồm: Chính phủ, công nghệ, tương tác, khách hàng và xã hội.

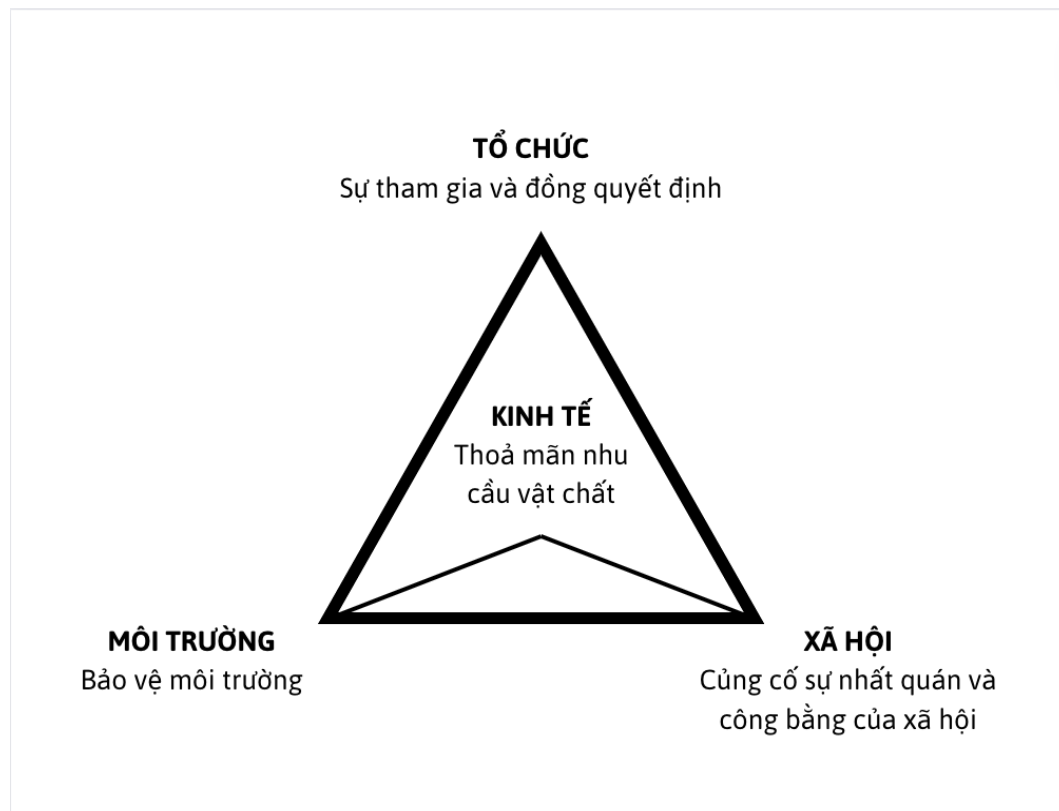
Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, CPĐT có thể là một công cụ nâng cao đời sống nhân dân hiệu quả (Điệp, Thu, & Thi, 2021). CPĐT làm tăng khả năng tiếp cận thông tin cho công dân, đảm bảo minh bạch và công bằng trong quyết định của Chính phủ, và cung cấp công cụ trực tuyến để theo dõi và hiểu rõ quyết định của Chính phủ. Cuối cùng, CPĐT thiết lập bộ tiêu chuẩn chung, giảm sự tùy ý và tăng minh bạch trong quá trình quyết định và cung cấp dịch vụ công.

2.2. Phát triển bền vững (Sustainable development)

Phát triển bền vững (PTBV), theo Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển - WCED (1987), là sự phát triển có thể đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng của thế hệ tương lai. PTBV bao gồm hai khái niệm chính: ưu tiên nhu cầu thiết yếu của người nghèo và đối mặt với hạn chế công nghệ và tổ chức xã hội đặt ra cho môi trường.

Theo WCED (1987), PTBV bao gồm hai chủ đề chính - bình đẳng và phân phối tài sản trong và giữa các thế hệ, cũng như bảo tồn và bảo vệ môi trường. Ngoài ra, khái niệm về bền vững được phân chia thành bền vững mạnh và bền vững yếu (Andersen, 2006). Trong khi bền vững mạnh không cho phép việc cạn kiệt tài nguyên tự nhiên hoặc các loại tài nguyên khác được bù đắp thông qua tiết kiệm hoặc đầu tư vào nguồn lực con người hoặc vật chất khác, bền vững yếu lại cho phép điều này.

Adger và Jordan (2009) củng cố PTBV bằng năm nguyên tắc: giảm nghèo, tích hợp chính sách môi trường, công bằng giữa các thế hệ, sự tham gia của công dân, và giải quyết hạn chế công nghệ và môi trường. Dựa trên những nguyên tắc này, mục tiêu của PTBV bao gồm việc tìm ra các giải pháp cho các vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến sự bền vững. Để hiểu rõ những vấn đề phức tạp của PTBV, nhiều mô hình đã được phát triển như Mô hình Ba trụ cột PTBV (Three Pillar SD Model), Mô hình Lăng kính bền vững (Prism of Sustainability Model), Mô hình Lăng kính chính bền vững (Main Prism of Sustainability Model). Trong bài viết này, chúng tôi sử dụng mô hình lăng kính bền vững (Hình 1), đặt ra bốn mục tiêu chiều sâu: xã hội (củng cố sự nhất quán và công bằng), môi trường (bảo vệ môi trường), kinh tế (đáp ứng nhu cầu vật chất), và tổ chức (thúc đẩy sự tham gia và quyết định cùng nhau).



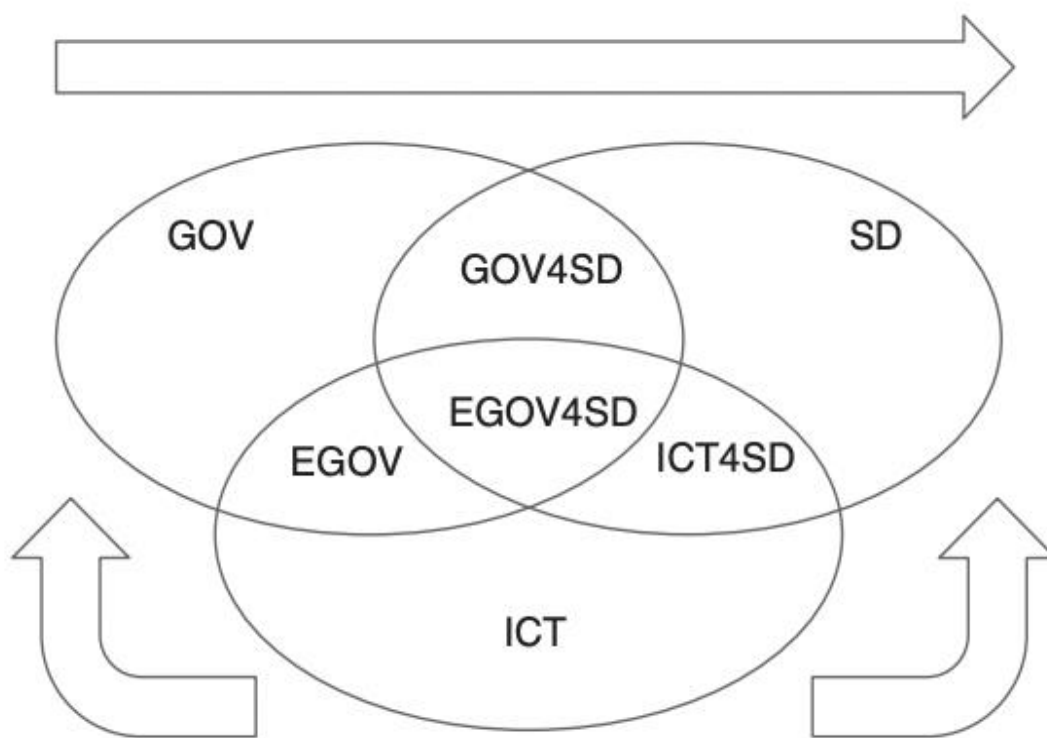
Hình 1. Mô hình Lăng kính Bền vững

Nguồn: Valentin & Spangenberg (1999)

2.3. Chính phủ Điện tử vì sự Phát triển bền vững (E-government for Sustainable Development - EGOV4SD)

Theo nghiên cứu của Estevez cùng cộng sự (2012), EGOV4SD đề cập đến CNTT để tạo ra một hệ thống chính phủ hiệu quả, minh bạch và phục vụ công dân một cách tốt nhất. Nó tập trung vào việc tối ưu hóa quy trình hành chính, tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, và phát triển dịch vụ công trực tuyến để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

Nghiên cứu của Estevez đề xuất mô hình EGOV4SD như sau: mô hình này mô tả sự kết hợp của ba lĩnh vực chính để tạo thành thuật ngữ EGOV4SD, cùng với các lĩnh vực thứ cấp. Các lĩnh vực chính bao gồm: Chính phủ (GOV), Phát triển Bền vững (SD) và Công nghệ thông tin và Truyền thông (ICT). Các lĩnh vực thứ cấp được hình thành thông qua sự giao thoa của hai lĩnh vực chính bất kỳ. Cụ thể, CPĐT (Chính phủ Điện tử) nằm ở sự giao thoa giữa Chính phủ và Công nghệ thông tin. ICT4SD (Công nghệ thông tin vì sự Phát triển bền vững) là sự giao thoa giữa Công nghệ thông tin và Phát triển bền vững. GOV4SD (Chính phủ vì sự Phát triển bền vững) là điểm giao thoa giữa Chính phủ và Phát triển bền vững.



Hình 2. Thành phần cấu thành của thuật ngữ EGOV4SD

Nguồn: Estevez (2013)

2.4. Tác động của EGOV4SD đến Phát triển Bền vững (SD)

Theo như một vài nghiên cứu đi trước về việc áp dụng EGOV4SD ở một vài quốc gia, EGOV4SD có tác động quan trọng đến PTBV thông qua một vài yếu tố như:

- Hiệu quả và tối ưu hóa quy trình hành chính: EGOV4SD sử dụng CNTT và truyền thông để cải thiện hiệu quả và tối ưu hóa quy trình hành chính, tiết kiệm thời gian, giảm lãng phí và cung cấp dịch vụ công tốt hơn. (Estevez 2013)
- Tiếp cận dịch vụ công và thông tin: EGOV4SD cung cấp nền tảng trực tuyến và giao diện số cho công dân tiếp cận dịch vụ công và thông tin chính phủ, nâng cao tiếp cận và tham gia của công dân. (Báo điện tử Chính phủ 2023)
- Tăng cường minh bạch và trách nhiệm: Các nền tảng trực tuyến cho phép công dân tiếp cận thông tin về chính sách, ngân sách và hoạt động của chính phủ. (Estevez 2013)
- Đảm bảo sự tham gia của công dân: Các nền tảng trực tuyến và công cụ tham gia điện tử cho phép công dân đóng góp ý kiến, phản hồi và tham gia vào quá trình định hình chính sách. (Estevez 2013)

3. Phương pháp nghiên cứu

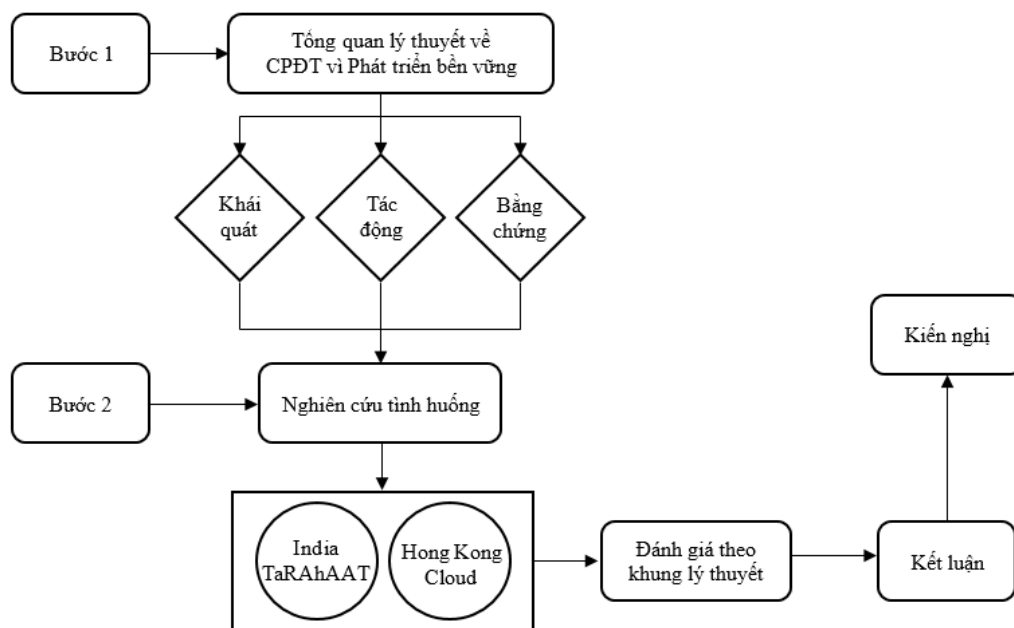
3.1. Mô hình nghiên cứu

Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, bao gồm việc nghiên cứu lý thuyết tổng hợp và nghiên cứu tình huống thực tế điển hình.

Nghiên cứu lý thuyết tổng hợp là một phân tích toàn diện và khách quan các kiến thức hiện tại về một chủ đề (Baker, 2016). Nó bao gồm phân tích phê phán các tài liệu được xuất bản trong sách và các bài báo trên tạp chí điện tử hoặc trên giấy, nhằm cung cấp cho người đọc kiến thức cập nhật về một chủ đề cụ thể. Nó cũng giúp xác định các dạng mẫu hoặc xu hướng trong tài liệu để có thể tìm ra những khoảng trống hoặc mâu thuẫn trong khối kiến thức nghiên cứu.

Nghiên cứu tình huống được định nghĩa là “một nghiên cứu chuyên sâu về một người, một nhóm người hoặc một đơn vị, nhằm mục đích khái quát hóa trên một số đơn vị” (Gustafsson, 2017). Theo Robert Yin (2009), một nghiên cứu tình huống là một cuộc điều tra thực nghiệm, điều tra về một hiện tượng đương đại theo chiều sâu và trong bối cảnh thực sự của nó, đặc biệt là khi ranh giới giữa hiện tượng và bối cảnh không rõ ràng. Theo Roberta Heale (2018), việc sử dụng nghiên cứu nhiều tình huống cho phép hiểu sâu hơn về các trường hợp bằng cách so sánh những điểm tương đồng và khác biệt của từng trường hợp riêng lẻ.

Nghiên cứu của chúng tôi đã sử dụng 2 phương pháp tiếp cận này thành 2 bước trong quá trình nghiên cứu. Từ đó, chúng tôi đã thiết kế mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 3. Mô hình nghiên cứu

Nguồn: Nhóm tác giả (2024)

Bài nghiên cứu bao gồm 2 bước:

- Bước 1: Nghiên cứu lý thuyết tổng hợp

Chúng tôi đánh giá những nghiên cứu lý thuyết đi trước về CPĐT vì sự PTBV cũng như mối quan hệ của nó đến PTBV. Những nghiên cứu này sẽ giúp chúng tôi có được cái nhìn tổng quát về các khái niệm, sự liên quan của chúng và tác động của chúng lên việc PTBV.

- Bước 2: Nghiên cứu tình huống

Ở bước này, chúng tôi đã lựa chọn 2 tình huống là India TaRAhAAT và Hong Kong Cloud Strategy. Đây là trường hợp của các quốc gia đã phát triển thành công mô hình CPĐT và đạt được thành tựu trong lĩnh vực PTBV. Những trường hợp này được lựa chọn thông qua phương pháp lấy mẫu có mục đích dựa trên các đặc điểm về bối cảnh đất nước, sự thành công trong chính sách. Sau đó, chúng tôi sẽ phân tích theo các tiêu chí để xác định bối cảnh cơ bản, các vấn đề mà quốc gia gặp phải và những giải pháp mà họ đã đưa ra để giải quyết vấn đề ấy. Sau khi đã có những phân tích phía trên về các bất cập, hạn chế trong việc áp dụng CPĐT để đạt được Mục tiêu PTBV của các quốc gia được phân tích, chúng tôi đã xem xét về trường hợp của Việt Nam. Từ đó đưa ra những đánh giá và một số khuyến nghị phù hợp đối với bối cảnh Việt Nam.

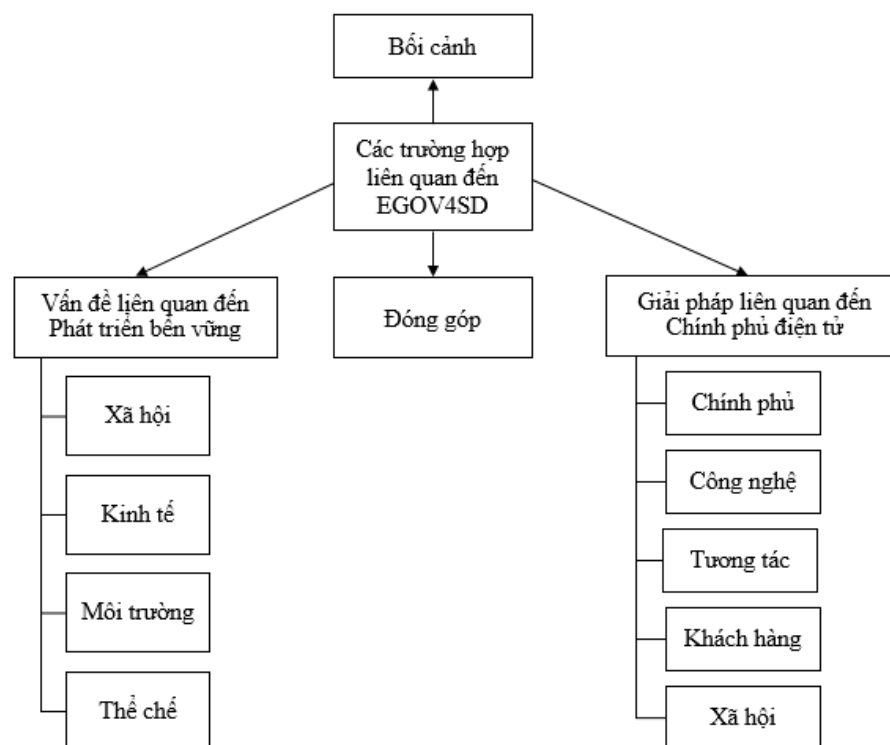
3.2. Thu thập dữ liệu

Để hiểu số lượng nghiên cứu liên quan đến EGOV4SD hiện có, chúng tôi đã tiến hành nhiều tìm kiếm khác nhau các bài báo, sách và báo cáo học thuật liên quan. Theo khung khái niệm EGOV4SD, việc thu thập dữ liệu tập trung vào hai miền chính là PTBV và CPĐT.

3.3. Phân tích dữ liệu

Những dữ liệu thu được từ những tổng quan nghiên cứu và tình huống thực tế sẽ được phân tích bằng cách phân tích theo chủ đề. Chúng tôi sử dụng phương pháp này bởi vì đây là một trong những hình thức phân tích phổ biến nhất trong nghiên cứu định tính, được đánh giá là phương pháp phân tích linh hoạt bởi nó cho phép linh hoạt lựa chọn khung lý thuyết.

Sau khi tổng hợp và phân tích chi tiết trường hợp của India và Hong Kong, nhóm nghiên cứu rút ra bảng đánh giá chéo về các vấn đề liên quan đến PTBV và giải pháp liên quan đến CPĐT. Từ bảng đánh giá có thể đưa ra cái nhìn tổng quan và bao quát các trường hợp ở 2 quốc gia và giúp nhóm nghiên cứu thuận lợi trong quá trình gợi ý hàm ý chính sách cho Việt Nam. Bảng đánh giá cũng được hình thành theo khung lý thuyết bao gồm các tiêu chí sau:



Hình 4: Khung lý thuyết đánh giá chéo các trường hợp

Nguồn: Estevez et al, (2013)

4. Nghiên cứu trường hợp của một số Quốc gia trên thế giới

Trong phần này, nhóm tác giả đi sâu phân tích 2 nghiên cứu trường hợp của các sáng kiến EGOV4SD bao gồm bối cảnh, vấn đề được giải quyết và những giải pháp được ứng dụng cũng như mô hình phân tích dựa trên khung lý thuyết từ phần 2. Mặc dù có rất nhiều nghiên cứu điển hình xoay quanh nỗ lực của các quốc gia giải quyết bốn vấn đề lớn trong PTBV, 2 trường hợp

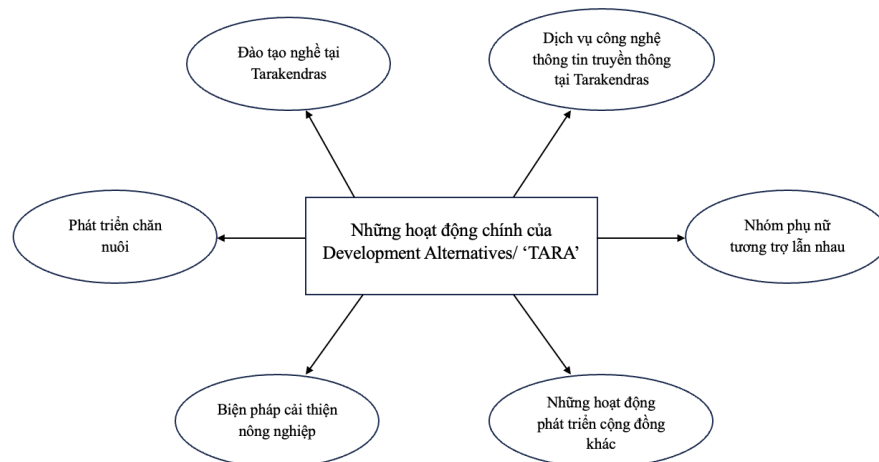
nghiên cứu được chọn của Ấn Độ và Hồng Kông có mối liên hệ nhất định và đem tới giá trị nghiên cứu to lớn đối với định hướng phát triển CPĐT tại Việt Nam.

4.1. Trường hợp 1: India TaRAhAAT

Đối với Ấn Độ, cũng như ở hầu hết các nước đang phát triển, không có gì lạ khi người dân nông thôn phải đi một quãng đường rất xa đến trụ sở chính quyền quận để yêu cầu bản sao hồ sơ công, nộp đơn, gặp quan chức hoặc tìm kiếm thông tin về giá cả hiện hành trong các thị trường hàng hóa. Điều này liên quan đến việc mất thu nhập trong một ngày cũng như chi phí vận chuyển. Khi đến văn phòng chính phủ, hồ sơ, thông tin hoặc tài liệu chính thức có liên quan có thể không có sẵn, buộc phải đến thăm nhiều lần và phải trả thêm chi phí (Simone, 2004). Trên thực tế, dân làng cũng có thể phải đối mặt với sự khó chịu, quấy rối và tham nhũng từ các quan chức nhà nước hoặc thường được cung cấp thông tin không chính xác về các chương trình của chính phủ hoặc giá cả thị trường (Sharma & Yurcik, 2000). Việc thiếu nhận thức về lợi ích của Quản trị điện tử ở Ấn Độ, nơi trình độ đọc viết còn kém và nhiều người sống dưới mức nghèo khổ, là trở ngại lớn cho việc triển khai các hoạt động Quản trị điện tử (Amutha, 2022).

Để xóa bỏ những vấn đề quan liêu này, dự án TaRAhAAT (chợ làng) chính là giải pháp nhằm cung cấp dịch vụ cho dân cư nông thôn ở miền bắc Ấn Độ. Với đối tượng chính ở các huyện Punjab, Uttar Pradesh, Madhya Pradesh và Bihar, dự án được khởi động vào năm 2001 và hiện đang hoạt động thành công đến ngày nay (Estevez và cộng sự, 2013). Mục tiêu là tăng cường sức mạnh cho cộng đồng nông thôn thông qua việc sử dụng CNTT để tạo điều kiện cho sinh kế bền vững. Mục tiêu bao gồm cung cấp các dịch vụ thông tin và đào tạo nghề cho cộng đồng nông thôn, khuyến khích phát triển cộng đồng và củng cố CPĐT.

TARAhaat bao gồm: 1) cổng thông tin; 2) trung tâm cộng đồng - TARAkendras và 3) các khóa đào tạo được khuyến khích thông qua cổng thông tin (Estevez và cộng sự, 2013). Cổng thông tin cung cấp thông tin liên quan như giá cả thị trường, thời tiết và giáo dục cho đối tượng chính. Giao diện của cổng thông tin được thiết kế để tương tác dễ dàng với dân số nông thôn: nông dân, thương nhân, nội trợ, người cao tuổi và trẻ em (Lal và Haleem, 2009). Cổng thông tin được bổ sung bằng các trung tâm cộng đồng thành lập ở các làng thuộc các bang Madhya Pradesh và Punjab, hoạt động như trung tâm kiến thức và kinh doanh cộng đồng cung cấp dịch vụ được tùy chỉnh theo nhu cầu địa phương và thành lập theo hai mô hình kinh doanh: 1) một trung tâm sở hữu hoặc vận hành bởi một công ty tư nhân hoặc 2) một trung tâm sở hữu bởi một doanh nhân làng và vận hành như một đơn vị nhượng quyền (Charru và cộng sự, 2009). Các dịch vụ được cung cấp tại các trung tâm chủ yếu bao gồm đào tạo để phát triển kỹ năng làm việc, kỹ năng sống và kỹ năng CNTT cơ bản. Đặc biệt, một chương trình để phát triển kỹ năng CNTT cho 5800 phụ nữ tại Ấn Độ đã được thành lập với sự hỗ trợ của Microsoft.



Hình 5: Những hoạt động thực hiện bởi Development Alternatives dưới phạm vi của “TARA”

Nguồn: Charru và cộng sự, 2009

Một trong những điểm học quan trọng từ dự án TARAhaat là việc tận dụng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số sẵn có để cung cấp các dịch vụ và thông tin cho cộng đồng. Các quốc gia đang phát triển có thể học hỏi cách sử dụng các phương tiện truyền thông kỹ thuật số như điện thoại di động và Internet để đưa thông tin và dịch vụ đến cộng đồng, thậm chí là ở những khu vực xa xôi và hẻo lánh (ITU, 2021). Một nghiên cứu của Đại học Rockefeller cũng chỉ ra rằng việc sử dụng các kỹ thuật số như điện thoại di động có thể giúp cải thiện truy cập vào dịch vụ y tế ở các khu vực nông thôn và giảm thiểu khoảng cách về chăm sóc sức khỏe (DeRenzi et al., 2012).

TARAhaat đã điều hướng các hoạt động của mình gắn liền với các mục tiêu phát triển bền vững. Việc này mở ra một cơ hội đáng giá cho các quốc gia đang phát triển để học hỏi cách tích hợp các dự án và chương trình phát triển kinh tế xã hội vào kế hoạch phát triển dài hạn của họ, nhằm đảm bảo sự bền vững và toàn diện trong quá trình phát triển (UNDP, 2015). Theo một báo cáo của Liên Hợp Quốc, việc này giúp tạo ra những giải pháp toàn diện và hiệu quả hơn cho các thách thức phát triển đa dạng (UN, 2020).

4.2. Trường hợp 2: Hong Kong Cloud Strategy

Theo Hiệp hội Điện toán Đám mây Châu Á (2013) việc áp dụng điện toán đám mây và các dịch vụ đám mây đang phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới. Một nghiên cứu được thực hiện cho Ủy ban Châu Âu đã chỉ ra những lợi ích tiềm năng từ việc áp dụng các dịch vụ đám mây, bao gồm tiết kiệm chi phí, làm việc di động, năng suất, tiêu chuẩn hóa cũng như các cơ hội kinh doanh mới (Burloiu, 2012). Nhận thấy những tiềm năng phát triển, vào năm 2012, Chính phủ Hồng Kông đã áp dụng mô hình điện toán đám mây - một trong những chiến lược EGOV của Hồng Kông (Ho, 2016).

Việc áp dụng mô hình điện toán đám mây ở Hồng Kông đã được đưa ra nhằm giải quyết một số vấn đề quan trọng. Ban đầu, Chính phủ Hồng Kông phải đối mặt với mong đợi ngày càng tăng cao của khách hàng về các dịch vụ công điện tử (Venkatesh, 2012). Người dân và doanh nghiệp

mong đợi có thể tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công một cách thuận tiện và hiệu quả (West, 2004). Đáp ứng nhu cầu này đòi hỏi một cơ sở hạ tầng CNTT linh hoạt và mạnh mẽ. Chưa hết, việc hưởng lợi từ các công nghệ mới nổi như trí tuệ nhân tạo, học máy và blockchain cũng là một yếu tố quan trọng. Theo nghiên cứu của Charalabidis (2011), mô hình điện toán đám mây cung cấp một nền tảng linh hoạt và mở cửa cho việc tích hợp những công nghệ này vào các dịch vụ công. Cuối cùng, việc xây dựng một môi trường đám mây an toàn và bảo mật là cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh ngày nay khi thông tin cá nhân và dữ liệu trở nên ngày càng nhạy cảm.

Để giải quyết các vấn đề này, Chính phủ Hồng Kông đã áp dụng một giải pháp toàn diện với mô hình điện toán đám mây bao gồm 3 lớp dịch vụ: Phần mềm dưới dạng Dịch vụ giúp phát triển các dịch vụ dùng chung như quản lý thông tin điện tử, quản lý nguồn nhân lực và mua sắm điện tử; Nền tảng là Dịch vụ để hỗ trợ các ứng dụng EGOV phổ biến; Cơ sở hạ tầng dưới dạng dịch vụ để triển khai cơ sở hạ tầng – máy chủ, mạng, hệ thống lưu trữ và điều hành trên cơ sở linh hoạt và ảo hóa. Môi trường bao gồm ba loại đám mây: Nội bộ Tư nhân do chính phủ sở hữu và vận hành; Tư nhân thuê ngoài do các nhà thầu điều hành, bao gồm các trung tâm dữ liệu an toàn và các cơ sở khác dành riêng cho chính phủ; Công cộng cho các dịch vụ chung. Tùy thuộc vào mức độ nhạy cảm của thông tin liên quan, chính phủ quyết định sẽ định vị các ứng dụng và dữ liệu của mình trên đám mây nào. Bên cạnh đó, việc xây dựng một môi trường đám mây an toàn và bảo mật cũng được đảm bảo thông qua việc quản lý và bảo vệ dữ liệu và thông tin của người dân.

Các vấn đề liên quan đến PTBV được giải quyết bao gồm: Khía cạnh xã hội - Đáp ứng mong đợi của khách hàng về mặt xã hội đối với các dịch vụ công điện tử; Khía cạnh kinh tế - Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp về cơ hội kinh doanh và cung cấp các nền tảng CNTT; Khía cạnh môi trường - Giảm lượng khí thải từ các hoạt động CNTT; Khía cạnh thể chế - Xây dựng hệ sinh thái Công - Tư nhân để cung cấp dịch vụ

Giải pháp chủ yếu liên quan đến tích hợp chính sách và đầu ra của chính sách. Các yếu tố EGOV sau đã được áp dụng: Chính phủ - Cung cấp sức mạnh tổng hợp để chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu cũng như các chức năng hệ thống; tăng cường cung cấp dịch vụ công, tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ đối tác cung cấp dịch vụ và tạo điều kiện cho sự hợp tác của chính phủ; Công nghệ - Cung cấp lại cơ sở hạ tầng CNTT-TT, khai thác công nghệ mới và thúc đẩy phần mềm dưới dạng dịch vụ, nền tảng là dịch vụ và cơ sở hạ tầng là dịch vụ; Tương tác - Cung cấp giao diện nhất quán, sử dụng nhận dạng thống nhất, tạo cơ hội cho các kênh liên kết; Bộ phận Chăm sóc Khách hàng - Giải quyết nhu cầu của người dân và cung cấp các dịch vụ nâng cao; Xã hội - Đạt được sự linh hoạt trong việc tiếp cận các dịch vụ công.

4.3. Phân tích và so sánh chéo các nghiên cứu trường hợp

Trong phần này, nhóm tác giả đưa ra những phân tích về vấn đề PTBV và giải pháp CPĐT được mô tả trong các nghiên cứu trường hợp như 4.1 và 4.2 dựa trên khung đánh giá cho EGOV4SD ở phần 3.

Phân tích vấn đề của nghiên cứu trường hợp được đánh giá theo 4 khía cạnh như sau:

Tiêu chí	Ấn Độ	Hong Kong
Xã hội	- Vấn đề phát triển sinh kế bền vững - Vấn đề phát triển năng lực người dân ở các vùng nông thôn - Vấn đề về việc trao quyền cho người dân ở khu vực nông thôn - Vấn đề về việc tạo điều kiện phát triển cho cộng đồng nông thôn	Vấn đề đáp ứng nhu cầu của người dân về dịch vụ điện tử
Kinh tế	- Vấn đề về tình trạng thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp - Vấn đề về việc thúc đẩy các quyết định kinh doanh sáng suốt	- Vấn đề tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ hội kinh doanh - Vấn đề về việc cung cấp nền tảng CNTT cho doanh nghiệp
Môi trường		Vấn đề giảm phát thải từ CNTT-TT
Thể chế		Vấn đề về việc xây dựng hệ sinh thái công - tư nhân

Bảng 1: Đánh giá chéo các vấn đề liên quan đến Phát triển bền vững

Nguồn: Nhóm tác giả, 2024

Đối với phân tích giải pháp, nhóm tác giả chia thành 5 khía cạnh như sau:

Tiêu chí	Ấn Độ	Hong Kong
Chính phủ	- Cung cấp dịch vụ thông qua quan hệ đối tác - Cung cấp các dịch vụ cho người dân ở nông thôn	- Tạo điều kiện cho sự hợp tác của chính phủ - Cung cấp sức mạnh tổng hợp để tái sử dụng các chức năng hệ

Tiêu chí		Ấn Độ	Hong Kong
Công nghệ	Đăng tải thông tin trên cổng thông tin điện tử		- thống - Cung cấp sức mạnh tổng hợp để chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu - Tăng cường cung cấp dịch vụ công - Hỗ trợ quan hệ đối tác để cung cấp dịch vụ
			- Thúc đẩy cơ sở hạ tầng như một dịch vụ - Thúc đẩy nền tảng như một dịch vụ - Quảng bá phần mềm như một dịch vụ - Tái cung cấp cơ sở hạ tầng CNTT - Khai thác công nghệ mới
Tương tác	- Cung cấp giao diện thân thiện - Sử dụng các trung tâm công cộng làm kênh phân phối		- Cung cấp giao diện nhất quán - Sử dụng danh tính thống nhất - Tạo cơ hội cho các kênh tham gia
Khách hàng	- Giải quyết nhu cầu của người dân thông qua dịch vụ điện tử - Đào tạo nghề		- Giải quyết nguyện vọng của người dân - Cung cấp dịch vụ nâng cao
Xã hội	Thúc đẩy hòa nhập xã hội		Xây dựng được sự linh hoạt khi truy cập các dịch vụ

Bảng 2: Đánh giá chéo các giải pháp liên quan đến Chính phủ điện tử

Nguồn: Nhóm tác giả, 2024

5. Kết quả và thảo luận

Kết quả của chúng tôi cho thấy rằng việc nghiên cứu EGOV4SD cần đi theo cách tiếp cận đa ngành rõ ràng. Tuy nhiên thách thức là khám phá xem liệu nghiên cứu như vậy có thể trở thành liên ngành hay xuyên ngành hay không (Kajikawa, 2008). Để đạt được mục tiêu này, bất chấp sự trưởng thành của nhiều ngành đóng góp cho nghiên cứu EGOV4SD, rõ ràng vẫn cần phải củng cố nền tảng lý thuyết.

Phân tích của chúng tôi cho thấy rằng các sáng kiến EGOV4SD đóng góp vào nhiều mục tiêu SD khác nhau. Các vấn đề SD phổ biến nhất được giải quyết ở các khía cạnh SD khác nhau là: trao quyền (xã hội), cơ hội kinh doanh (kinh tế), hoạt động nhân tạo (môi trường) và xây dựng năng lực (thể chế).

Trong khía cạnh trao quyền, EGOV4SD đã đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường sự tham gia và tranh luận dân chủ, tạo điều kiện cho người dân dễ dàng tham gia vào quá trình ra quyết định và thúc đẩy minh bạch trong quản lý. Ngoài ra, qua các sáng kiến này, cơ hội kinh doanh cũng được mở rộng, tạo ra môi trường kinh doanh tích cực và sôi động, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Các giải pháp EGOV4SD không chỉ tập trung vào khía cạnh xã hội và kinh tế mà còn chủ động giải quyết những thách thức liên quan đến môi trường. Với việc đặt nặng vào hoạt động nhân tạo, các sáng kiến này hỗ trợ xây dựng một môi trường sống lành mạnh và bền vững, đồng thời thúc đẩy ý thức về bảo vệ môi trường trong cộng đồng.

Ngoài ra, việc xây dựng năng lực tổ chức thông qua các thể chế đã làm cho chính phủ có khả năng hoạch định và thực hiện chính sách một cách hiệu quả hơn. Điều này giúp tăng cường khả năng ứng phó với các thách thức và thay đổi, đảm bảo sự linh hoạt và sẵn sàng của hệ thống chính trị và quản lý.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là rằng các giải pháp EGOV4SD có thể được kỳ vọng sẽ giải quyết một cách toàn diện tất cả các kích thước của PTBV. Sự tích hợp và linh hoạt trong quá trình triển khai sẽ giúp đảm bảo rằng các ảnh hưởng tích cực này không chỉ tập trung vào một khía cạnh cụ thể mà còn lan rộng và chạm đến nhiều khía cạnh khác nhau, đóng góp một cách toàn diện vào việc đạt được các mục tiêu PTBV.

6. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Trong bối cảnh ngày nay, việc ứng dụng các phương thức quản lý chính sách tiên tiến như CPĐT trở nên ngày càng cần thiết để thúc đẩy sự PTBV tại Việt Nam. Nhìn vào nghiên cứu này, chính phủ cần nhận thức rõ rằng việc đầu tư vào CNTT không chỉ là vấn đề về công nghệ mà còn là vấn đề về chính sách và quản lý.

Trong việc xây dựng chính sách xã hội bền vững, chính phủ cần tập trung vào sáu khía cạnh chính: nhu cầu người dân, chất lượng đời sống, năng lực con người, sự trao quyền, phát triển nông

thôn, phát triển cộng đồng. Đối với từng khía cạnh vấn đề, các điều kiện bé hơn cũng cần được giải quyết triệt để. Trong mặt diện kinh tế, EGOV4SD đã mở ra nhiều triển vọng và thách thức cho chính sách kinh tế của Việt Nam. Có rất nhiều vấn đề PTBV trong kinh tế nên được chú trọng khi thực hiện chính sách như cơ hội kinh doanh, hiệu quả và sự phát triển kinh tế. Một trong những vấn đề quan trọng nhất là việc đầu tư vào hạ tầng CNTT để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nền kinh tế số. Chính phủ cần xem xét các biện pháp khuyến khích và hỗ trợ cho doanh nghiệp để thúc đẩy sự chuyển đổi số trong sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, việc nâng cao năng lực và kỹ năng CNTT cho lao động cũng là một ưu tiên hàng đầu, giúp tối ưu hóa tiềm năng nguồn nhân lực và tăng cường sự cạnh tranh cho nền kinh tế. Ngoài ra, việc sử dụng CNTT trong quản lý tài chính công cũng đặt ra những thách thức và cơ hội mới. Chính phủ cần phải đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong việc sử dụng nguồn lực tài chính của quốc gia, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thuế và giám sát ngân sách. Bằng cách này, chính sách kinh tế có thể được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước và tạo ra một môi trường kinh doanh thân thiện và cạnh tranh.

Bên cạnh đó, dựa trên bài học kinh nghiệm từ Hong Kong, phát triển mô hình điện toán đám mây trong chiến lược E-gov để giảm lượng khí thải ra ngoài môi trường từ các hoạt động ICT. Chính phủ Việt Nam, qua đó cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật số để tạo ra môi trường thuận lợi cho việc triển khai CPĐT và các dự án liên quan đến PTBV. Dựa trên kinh nghiệm và bài học thực tế từ Hong Kong, Việt Nam có thể áp dụng một số giải pháp sau để thúc đẩy PTBV và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật số chung: Hợp tác công - tư nhân: Chính phủ cần tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác giữa các tổ chức công và tư nhân trong việc xây dựng và quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật số. Điều này có thể bao gồm việc tạo ra các chính sách khuyến khích, hỗ trợ tài chính và pháp lý cho các đối tác tư nhân. Bên cạnh đó, Chính phủ cần tạo ra môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNTT. Điều này có thể bao gồm việc cung cấp hỗ trợ tài chính, đào tạo và phát triển nhân lực, cũng như tạo ra các chính sách khuyến khích đầu tư và nghiên cứu phát triển. Chính phủ cũng cần phải đảm bảo rằng các dịch vụ và hệ thống điện toán đám mây đáp ứng các tiêu chuẩn an ninh thông tin và bảo vệ dữ liệu người dùng. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng lòng tin của người dùng và doanh nghiệp.

Để duy trì và phát triển các hoạt động trên, chính phủ cần đảm bảo rằng các dịch vụ và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số có sẵn và phổ biến trên toàn quốc, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn và miền núi. Điều này giúp đảm bảo rằng mọi người đều có cơ hội tiếp cận và sử dụng công nghệ. Việt Nam cũng nên hợp tác chặt chẽ với cộng đồng quốc tế trong việc phát triển và quản lý cơ sở hạ tầng kỹ thuật số. Điều này có thể bao gồm việc chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ và tài nguyên với các đối tác quốc tế. Việc đạt được một cơ sở hạ tầng kỹ thuật số chung và bền vững yêu cầu Việt Nam kết hợp các giải pháp trên với một kế hoạch chiến lược và cam kết dài hạn từ chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng.

7. Kết luận

Mối quan hệ giữa CPĐT và PTBV không chỉ là một khía cạnh mới mà còn là một lĩnh vực quan trọng đang ngày càng thu hút sự chú ý của cộng đồng quốc tế. CPĐT, như là một biểu tượng của sự tiến bộ công nghệ, đang đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và thúc đẩy các mục tiêu PTBV. Việc nắm bắt cơ hội từ sự phát triển của CPĐT để góp phần vào SDGs đã tạo ra một lĩnh vực nghiên cứu mới với thuật ngữ "Chính phủ điện tử vì sự Phát triển bền vững" (EGOV4SD).

Trong quá trình phân tích các quốc gia trên thế giới như một phần của nghiên cứu, chúng tôi đã đi sâu vào các thực tế, chiến lược và kết quả của CPĐT trong từng bối cảnh quốc gia. Việc so sánh và đánh giá không chỉ giúp chúng tôi hiểu rõ hơn về những thách thức mà các quốc gia đang phải đối mặt mà còn đưa ra những bài học quý báu. Nhìn chung, những nghiên cứu này cung cấp một cái nhìn tổng thể về cách CPĐT có thể ảnh hưởng đến sự PTBV và mô hình quản lý chính trị trong thời kỳ công nghệ ngày càng đóng vai trò lớn.

Đối với Việt Nam, nghiên cứu này mang lại không chỉ những thông tin cụ thể về tình hình hiện tại của CPĐT mà còn những khuyến nghị chi tiết về cách có thể tối ưu hóa mối quan hệ giữa CPĐT và SDGs. Việt Nam có thể tích hợp những chiến lược thành công từ các quốc gia khác và xây dựng chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động CPĐT. Đồng thời, quan trọng nhất là đảm bảo an ninh thông tin và quyền riêng tư để tạo ra một môi trường tin cậy, khích lệ người dân tham gia vào quá trình xây dựng quốc gia thông minh và bền vững.

Tài liệu tham khảo

Adams, W. (2006), "The Future of Sustainability: Re-thinking Environment and Development in the Twenty-first Century", *World Conservation Union*.

Andersen, M. S. (2006, December 21), "An introductory note on the environmental economics of the circular economy", *Sustainability Science*, Vol.2 No.1, pp.133–140.

Burloiu, V. P. (2012), "Cloud computing and the regulatory framework for Telecommunications and Information Society Services", *Masters Law and Technology Thesis*, Tilburg University.

Charalabidis, Y., Koussouris, S. & Ramfos, A. (2011, November), "A Cloud Infrastructure for Collaborative Digital Public Services", *2011 IEEE Third International Conference on Cloud Computing Technology and Science*.

Dawes, S. S. (2008, October 21), "The Evolution and Continuing Challenges of E-Governance", *Public Administration Review*, Vol.68, iss.1.

E-government a powerful tool to implement global sustainability goals, UN survey finds. (2016), *UN News*.

Estevez, E., Janowski, T. & Dzhusupova, Z. (2013, June 17), “Electronic governance for sustainable development”, Proceedings of the 14th Annual International Conference on Digital Government Research.

Ho, K. K. W., Yu, C. C. & Lai, M. C. L. (2016), “User Adoption of Government-to-Employee Portal of Hong Kong Government”, *Encyclopedia of E-Commerce Development, Implementation, and Management*, pp. 1767–1779.

Nguyen, D. & Thu, P. & Thi, N. (2021), “Chính phủ điện tử, văn hóa quốc gia và tham nhũng: Bằng chứng từ tiếp cận Bayes”, Vol.185, pp.5-20.

Othman, M. H., Razali, R., & Nasrudin, M. F. (2020), “Key factors for e-government towards sustainable development goals”, *International Journal of Advanced Science and Technology*, Vol.29, No.6, pp.2864-2876.

Park, C. H. & Kim, K. (2019, April 11), “E-government as an anti-corruption tool: panel data analysis across countries”, *International Review of Administrative Sciences*, Vol.86, No.4, pp. 691–707.

Quan, N. V. & Giao, V. C. (2019, September 24), “E-government and State Governance in the Modern Time”, *VNU Journal of Science: Legal Studies*, Vol.35, No.3.

Thanh Son, V. (2021, March 24), “The Process of Sustainable Development and the Linkage to the Social - Ecological Transformation in the World and in Vietnam”, *VNU Journal of Science: Policy and Management Studies*, Vol.37, No.1